

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-30
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 07 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch	
Ông Vũ Anh Tuấn	Ủy viên	
Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Ủy viên	
Ông Vũ Huy An	Ủy viên	
Ông Hồ Nguyễn Hoàng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/04/2023
Ông Phan Ngọc Anh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/04/2023

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Anh Tuấn	Giám đốc	
Ông Phùng Văn Đứơc	Phó Giám đốc	
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc	
Ông Lê Văn Tu	Phó Giám đốc	
Ông Bùi Văn Chính	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/01/2023

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20/04/2023
Ông Phạm Hùng Anh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 20/04/2023
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/04/2023
Bà Nghiêm Thị Phượng	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vũ Anh Tuấn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được lập ngày 29 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc Kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2023-002-1



Dương Quân Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1686-2023-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		224.396.863.714	406.386.016.649
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	28.431.244.144	20.917.908.231
111	1. Tiền		8.431.244.144	20.917.908.231
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	59.470.000.000	80.970.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		59.470.000.000	80.970.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		107.388.660.967	283.744.784.464
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	103.712.348.807	281.130.285.313
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		214.792.080	24.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	3.461.520.080	2.590.499.151
140	IV. Hàng tồn kho	7	23.859.848.731	20.753.323.954
141	1. Hàng tồn kho		23.859.848.731	20.753.323.954
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.247.109.872	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	64.113.118	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.182.996.754	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		41.535.640.539	39.669.290.882
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		37.860.000	32.860.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	37.860.000	32.860.000
220	II. Tài sản cố định		13.282.202.442	11.566.851.461
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	13.282.202.442	11.566.851.461
222	- Nguyên giá		90.495.095.233	86.061.539.988
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(77.212.892.791)	(74.494.688.527)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	-	-
228	- Nguyên giá		2.288.155.290	2.288.155.290
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.288.155.290)	(2.288.155.290)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	5.040.000.000	5.040.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.040.000.000	5.040.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		23.175.578.097	23.029.579.421
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	23.175.578.097	23.029.579.421
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		265.932.504.253	446.055.307.531

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		77.486.163.721	256.755.507.221
310	I. Nợ ngắn hạn		77.486.163.721	256.755.507.221
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	28.394.381.980	192.408.254.272
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	1.192.198.584	5.635.537.036
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	3.585.984.751	4.009.999.109
314	4. Phải trả người lao động		31.379.146.540	36.790.748.202
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	4.408.532.293	3.227.705.812
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	36.818.183
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	7.055.835.778	13.675.870.284
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.470.083.795	970.574.323
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		188.446.340.532	189.299.800.310
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	188.446.340.532	189.299.800.310
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		20.686.994.576	20.686.994.576
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.759.345.956	18.612.805.734
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		68.826.262	142.908.378
421b	LNST chưa phân phối năm nay		17.690.519.694	18.469.897.356
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>265.932.504.253</u>	<u>446.055.307.531</u>

gms th

[Signature]



Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập

Lê Đình Thái
Kế toán trưởng

Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	303.639.860.524	259.665.241.559
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		303.639.860.524	259.665.241.559
11	4. Giá vốn hàng bán	19	240.016.200.699	203.687.953.208
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		63.623.659.825	55.977.288.351
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	6.595.985.406	5.509.014.441
22	7. Chi phí tài chính	21	69.724.653	155.772.242
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	7.845.994
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	44.159.902.919	39.960.371.128
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.990.017.659	21.370.159.422
31	11. Thu nhập khác	23	295.853.250	2.175.764.684
32	12. Chi phí khác	24	2.395.094.932	306.087.226
40	13. Lợi nhuận khác		(2.099.241.682)	1.869.677.458
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		23.890.775.977	23.239.836.880
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	6.200.256.283	4.769.939.524
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		17.690.519.694	18.469.897.356
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	943	985

gmath

[Signature]



[Signature]

Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập

Lê Đình Thái
Kế toán trưởng

Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		23.890.775.977	23.239.836.880
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.444.688.196	5.847.245.378
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		48.059.508	147.926.248
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.592.919.461)	(6.507.437.410)
06	- Chi phí lãi vay		-	7.845.994
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		21.790.604.220	22.735.417.090
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		172.141.190.086	2.158.837.996
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.106.524.777)	(11.062.128.367)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(180.244.197.791)	13.973.788.574
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(210.111.794)	643.082.901
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(7.845.994)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.913.788.575)	(4.231.154.981)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.194.470.000)	(4.382.123.003)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.262.701.369	19.827.874.216
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.160.039.177)	(2.486.044.848)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.004.545	1.025.977.704
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(174.970.000.000)	(152.850.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		196.470.000.000	77.050.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.617.851.573	4.431.850.802
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		20.959.816.941	(72.828.216.342)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	3.186.234.938
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(3.186.234.938)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(14.710.172.229)	(13.352.504.230)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(14.710.172.229)	(13.352.504.230)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		7.512.346.081	(66.352.846.356)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		20.917.908.231	87.271.432.992
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		989.832	(678.405)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>28.431.244.144</u>	<u>20.917.908.231</u>



Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập



Lê Đình Thái
Kế toán trưởng



Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 07 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 150.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 150.000.000.000 VND; tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 431 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 438 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ vận hành nhà máy điện;
- Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan;
- Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác;
- Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Tư vấn, thiết kế, biên dịch, biên soạn tài liệu và các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình);
- Thi công trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng;
- Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê nhà sử dụng làm văn phòng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm Thí nghiệm điện

Địa chỉ

Cà Mau

Đồng Nai

Hà Tĩnh

Đà Nẵng

Hoạt động kinh doanh chính

Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn

Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn

Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn

Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí thuê văn phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng cho thuê;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 2 đến 3 năm.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc phân phối lợi nhuận và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là sửa chữa các nhà máy điện và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	288.688.926	232.012.685
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.142.555.218	20.685.895.546
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	-
	<u>28.431.244.144</u>	<u>20.917.908.231</u>

Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 20.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam với lãi suất 3,4%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	59.470.000.000	-	80.970.000.000	-
	59.470.000.000	-	80.970.000.000	-

Tại ngày 31/12/2023, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 06 đến 12 tháng có giá trị 59.470.000.000 VND được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 4,7%/năm đến 8,0%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi trị giá 5.170.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương Việt Nam với lãi suất 4,7%/năm đang tạm ngừng giao dịch và Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Mã CK	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
PAI	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-
	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do khoản đầu tư này đăng ký giao dịch trên sàn Upcom nhưng hầu như không phát sinh giao dịch và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Hà Nội	11,90%	11,90%	Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa, năng lượng sạch

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/NQ/DVKT-HĐQT ngày 19 tháng 01 năm 2021, Công ty đang lên phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) cụ thể như sau:

- Tổng số cổ phần chuyển nhượng: 504.000 cổ phần (toàn bộ số cổ phần PAIC Công ty đang nắm giữ);
- Hình thức chuyển nhượng: theo giá thỏa thuận được thực hiện thông qua hợp đồng chuyển nhượng cổ phần;
- Giá trị chuyển nhượng: 10.503 VND/cổ phần.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa thực hiện được việc chuyển nhượng khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>82.576.079.940</i>	-	<i>275.868.535.823</i>	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	3.546.640.264	-	199.964.530.679	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	12.800.343.498	-	11.220.303.173	-
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	18.652.639.071	-	7.150.247.421	-
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	47.519.934.227	-	44.991.694.810	-
Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PVPTSC)	56.522.880	-	10.155.894.704	-
BQLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	-	-	1.890.673.600	-
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	-	-	495.191.436	-
<i>Bên khác</i>	<i>21.136.268.867</i>	-	<i>5.261.749.490</i>	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp nặng IBS	9.339.141.838	-	-	-
Công ty Nhiệt điện Nghị Sơn - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	10.656.129.625	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	1.140.997.404	-	5.261.749.490	-
	<u>103.712.348.807</u>	<u>-</u>	<u>281.130.285.313</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	403.200.000	-	403.200.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.176.042.932	-	1.202.979.589	-
Tạm ứng	502.727.409	-	146.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	147.447.875	-	147.447.875	-
Phải thu khác	232.101.864	-	690.871.687	-
	3.461.520.080	-	2.590.499.151	-
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	403.200.000	-	403.200.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	403.200.000	-	403.200.000	-
Bên khác	3.058.320.080	-	2.187.299.151	-
Đối tượng khác	3.058.320.080	-	2.187.299.151	-
	3.461.520.080	-	2.590.499.151	-
b) Dài hạn				
Phải thu khác	37.860.000	-	32.860.000	-
	37.860.000	-	32.860.000	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	116.164.921	-	85.732.692	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.743.683.810	-	20.667.591.262	-
- Dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 2	11.414.042.758	-	-	-
- Dự án Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh	7.021.893.368	-	1.587.735.618	-
- Dự án nhiệt điện Thái Bình 2	-	-	7.085.595.424	-
- Các dự án khác	5.307.747.684	-	11.994.260.220	-
	23.859.848.731	-	20.753.323.954	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá									
Số dư đầu năm	1.334.200.000	42.905.309.474	18.312.916.364	23.509.114.150	86.061.539.988				
- Mua trong năm	-	2.330.600.000	3.529.535.411	299.903.766	6.160.039.177				
- Thanh lý, nhượng bán	-	(849.666.879)	-	(876.817.053)	(1.726.483.932)				
Số dư cuối năm	1.334.200.000	44.386.242.595	21.842.451.775	22.932.200.863	90.495.095.233				
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu năm	1.299.319.881	33.756.052.567	16.931.094.847	22.508.221.232	74.494.688.527				
- Khấu hao trong năm	34.880.119	1.798.190.985	1.856.028.875	755.588.217	4.444.688.196				
- Thanh lý, nhượng bán	-	(849.666.879)	-	(876.817.053)	(1.726.483.932)				
Số dư cuối năm	1.334.200.000	34.704.576.673	18.787.123.722	22.386.992.396	77.212.892.791				
Giá trị còn lại									
Tại ngày đầu năm	34.880.119	9.149.256.907	1.381.821.517	1.000.892.918	11.566.851.461				
Tại ngày cuối năm	-	9.681.665.922	3.055.328.053	545.208.467	13.282.202.442				

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 61.721.112.661 VND.

9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính có nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2023 là 2.288.155.290 VND, khấu hao trong năm là 0 VND. Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.288.155.290 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	21.983.871	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	42.129.247	-
	64.113.118	-
b) Dài hạn		
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (*)	21.608.309.349	22.236.153.693
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.567.268.748	793.425.728
	23.175.578.097	23.029.579.421

(*) Khoản tiền thuê văn phòng theo hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên, Công ty thuê toàn bộ tầng 7 thuộc Tòa nhà HH3 Sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- General Electric Global Parts and Products GMBH	-	-	173.331.020.846	173.331.020.846
- Công ty TNHH GE Power Việt Nam	-	-	7.779.779.455	7.779.779.455
- Công ty cổ phần Liberico	5.451.145.810	5.451.145.810	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Nhân lực XL	5.479.726.919	5.479.726.919	-	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật & Thương mại Tâm Thành Phát	3.726.456.975	3.726.456.975	-	-
- Công ty TNHH Megarig Industries	2.991.295.911	2.991.295.911	-	-
- Phải trả nhà cung cấp khác	10.745.756.365	10.745.756.365	11.297.453.971	11.297.453.971
	28.394.381.980	28.394.381.980	192.408.254.272	192.408.254.272

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	801.683.657	3.582.087.944	4.132.587.318	251.184.283
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	13.626.350	13.626.350	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.728.035.126	6.200.256.283	5.913.788.575	3.014.502.834
Thuế Thu nhập cá nhân	480.280.326	2.274.963.774	2.434.946.466	320.297.634
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
	4.009.999.109	12.075.934.351	12.499.948.709	3.585.984.751

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí tham quan học hỏi	675.694.445	-
- Chi phí hội nghị tổng kết công tác	278.000.000	-
- Chi phí quản lý nhãn hiệu tập đoàn	238.900.000	221.000.000
- Chi phí đào tạo tay nghề và sáng kiến cải tiến kỹ thuật	949.077.559	926.887.500
- Chi phí đồng phục	1.871.415.000	1.054.800.000
- Chi phí phải trả khác	395.445.289	1.025.018.312
	4.408.532.293	3.227.705.812

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan	294.315.000	3.816.922.960
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	294.315.000	294.315.000
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	-	1.773.436.718
Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PVPTSC)	-	1.749.171.242
Bên khác	897.883.584	1.818.614.076
Sumec Complete Equipment & Engineering Co.,Ltd	897.883.584	897.883.584
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	-	920.730.492
	1.192.198.584	5.635.537.036

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	415.302.980	276.285.453
- Bảo hiểm xã hội	226.498.710	327.088.487
- Bảo hiểm y tế	93.459.292	113.799.991
- Bảo hiểm thất nghiệp	82.697.893	9.539.975
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.250.000	50.250.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.022.546.057	882.718.286
- Các khoản chi phí tại các chi nhánh chưa thanh toán	3.738.991.467	10.537.457.519
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.426.089.379	1.478.730.573
	7.055.835.778	13.675.870.284

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND	
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	20.686.994.576	16.900.497.390	187.587.491.966		
Lãi trong năm trước	-	-	18.469.897.356	18.469.897.356		
Phân phối lợi nhuận	-	-	(16.757.589.012)	(16.757.589.012)		
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	20.686.994.576	18.612.805.734	189.299.800.310		
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	20.686.994.576	18.612.805.734	189.299.800.310		
Lãi trong năm nay	-	-	17.690.519.694	17.690.519.694		
Phân phối lợi nhuận	-	-	(18.543.979.472)	(18.543.979.472)		
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000	20.686.994.576	17.759.345.956	188.446.340.532		

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 86/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 20/04/2023 Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

Số tiền

	Số tiền
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.693.979.472
Chi trả cổ tức (bằng 9,9% vốn điều lệ)	14.850.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Tỷ lệ (%)	Đầu năm		Tỷ lệ (%)
	VND	VND		VND	VND	
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	76.500.000.000	76.500.000.000	51,00	76.500.000.000	51,00	
YTL Power Service Sdn. Bhd.	27.000.000.000	27.000.000.000	18,00	27.000.000.000	18,00	
America LLC	10.522.000.000	9.004.000.000	7,01	9.004.000.000	6,00	
Các cổ đông khác	35.978.000.000	37.496.000.000	23,99	37.496.000.000	25,00	
	150.000.000.000	150.000.000.000	100,00	150.000.000.000	100,00	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<u>150.000.000.000</u>	<u>150.000.000.000</u>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<u>150.000.000.000</u>	<u>150.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	882.718.286	735.222.516
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	14.850.000.000	13.500.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	14.850.000.000	13.500.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(14.710.172.229)	(13.352.504.230)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	<u>(14.710.172.229)</u>	<u>(13.352.504.230)</u>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<u>1.022.546.057</u>	<u>882.718.286</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	20.686.994.576	20.686.994.576
	<u>20.686.994.576</u>	<u>20.686.994.576</u>

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động dài hạn với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vintech để thuê 160 m² tầng 7 Tòa nhà HH3 sông Đà trong thời gian 03 năm kể từ ngày 10/11/2022 với giá thuê được quy định trong hợp đồng ký kết với đối tác.

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên để thuê toàn bộ tầng 7, Tòa nhà HH3 sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1,49	1,49
- Đồng Euro (EUR)	208,06	960,76

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	303.639.860.524	259.665.241.559
	303.639.860.524	259.665.241.559
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)</i>	236.480.241.358	215.841.590.723

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	240.016.200.699	203.687.953.208
	240.016.200.699	203.687.953.208
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)</i>	1.335.800.031	1.275.033.945

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6.187.714.916	5.078.259.706
Cổ tức, lợi nhuận được chia	403.200.000	403.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.070.490	27.554.735
	6.595.985.406	5.509.014.441

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	7.845.994
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	21.665.145	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	48.059.508	147.926.248
	69.724.653	155.772.242

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.964.416.175	1.751.701.446
Chi phí nhân công	25.869.800.238	25.103.585.777
Chi phí khấu hao tài sản cố định	552.137.770	795.532.065
Thuế, phí, lệ phí	164.233.971	156.968.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.194.506.672	8.292.178.764
Chi phí khác bằng tiền	5.414.808.093	3.860.404.410
	44.159.902.919	39.960.371.128

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

23 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.004.545	1.025.977.704
Tiền phạt thu được	262.616.337	18.898.336
Truy thu lương chi vượt năm 2021 Người đại diện	-	802.856.500
Thu nhập khác	31.232.368	328.032.144
	295.853.250	2.175.764.684

24 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền phạt hợp đồng (*)	2.393.992.896	10.455.300
Tiền phạt chậm nộp thuế, BHXH	800.702	266.948.673
Chi phí khác	301.334	28.683.253
	2.395.094.932	306.087.226
Trong đó: Chi phí khác mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)	2.387.632.896	-

(*) Chi phí thực tế thực hiện khắc phục sự cố quạt gió cấp 1 PAF B tổ máy 2 NMNĐ Vũng Áng 1 số tiền 2.387.632.896 VND mà Công ty phải bồi thường Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh theo quy định tại hợp đồng đã ký.

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.890.775.977	23.239.836.880
Các khoản điều chỉnh tăng	7.491.715.437	594.415.926
- Chi phí không hợp lệ	7.239.715.437	374.415.926
- Thủ lao HĐQT, BKS không trực tiếp tham gia điều hành hoạt động SXKD	252.000.000	220.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(443.444.934)	(1.335.895.404)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(403.200.000)	(403.200.000)
- Điều chỉnh giảm chi phí trích trước	(40.244.934)	(633.861.916)
- Thu nhập chịu thuế theo quyết toán năm trước	-	(298.833.488)
Thu nhập chịu thuế TNDN	30.939.046.480	22.498.357.402
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	12.446.987	270.268.044
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	6.200.256.283	4.769.939.524
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.728.035.126	2.189.250.583
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.913.788.575)	(4.231.154.981)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	3.014.502.834	2.728.035.126

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	17.690.519.694	18.469.897.356
Các khoản điều chỉnh:	(3.538.103.939)	(3.693.979.472)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)</i>	(3.538.103.939)	(3.693.979.472)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.152.415.755	14.775.917.884
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	943	985

(*) Công ty tạm tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 bằng 20% lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ngày 20/04/2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.595.880.556	12.631.869.489
Chi phí nhân công	147.936.293.539	150.508.697.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.444.688.196	5.847.245.378
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.710.648.115	54.119.328.507
Chi phí khác bằng tiền	10.564.685.760	30.666.964.664
	287.252.196.166	253.774.105.969

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC) (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Cùng Công ty mẹ
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
BQLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAI)	Ông Phan Xuân Thắng - Phó Giám đốc là Thành viên HĐQT, người đại diện vốn của PPS tại PAI)

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	236.480.241.358	215.841.590.723
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	14.319.159.136	32.538.237.069
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	76.085.575.738	68.765.399.220
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	75.260.067.162	51.167.137.098
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC)	22.595.354.237	14.384.434.726
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	45.019.626.201	45.202.423.536
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	2.119.207.794	907.185.369
BQLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	434.714.727	1.750.623.704
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	646.536.363	1.126.150.001
Tiền phạt hợp đồng	2.387.632.896	-
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	2.387.632.896	-
Mua hàng hóa dịch vụ	1.335.800.031	1.275.033.945
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	1.195.538.421	1.146.413.545
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	140.261.610	128.620.400
Cổ tức lợi nhuận được chia	403.200.000	403.200.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAI)	403.200.000	403.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch	932.387.615	955.413.476
Ông Vũ Anh Tuấn	Ủy viên kiêm Giám đốc	932.040.028	955.413.476
Ông Phan Ngọc Anh ⁽¹⁾	Ủy viên	15.000.000	40.000.000
Ông Hồ Nguyễn Hoàng ⁽²⁾	Ủy viên	440.078.599	-
Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao ⁽⁴⁾	Ủy viên	60.000.000	40.000.000
Ông Vũ Huy An ⁽⁴⁾	Ủy viên	60.000.000	40.000.000
Ông Vũ Huy Quang ⁽³⁾	Ủy viên	-	12.000.000
Ông Phạm Đức Nghĩa ⁽³⁾	Ủy viên	-	12.000.000
Ông Mã Ngọc Kỳ ⁽³⁾	Ủy viên	-	12.000.000
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc	758.748.715	733.487.347
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc	787.884.615	699.077.855
Ông Lê Văn Tu ⁽⁴⁾	Phó Giám đốc	785.322.170	328.225.498
Ông Bùi Văn Chính ⁽²⁾	Phó Giám đốc	709.284.188	
Ông Vũ Quang Dũng ⁽³⁾	Phó Giám đốc	-	111.735.636
Ông Phạm Hùng Anh ⁽¹⁾	Trưởng BKS	269.083.839	642.809.642
Ông Nguyễn Quang Đông ⁽²⁾	Trưởng BKS	54.000.000	32.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa ⁽²⁾	Thành viên BKS	27.000.000	
Bà Nghiêm Thị Phụng	Thành viên BKS	36.000.000	24.000.000
Ông Lữ Văn Thụ ⁽³⁾	Thành viên BKS	-	8.000.000

Chú thích:

- (1) Miễn nhiệm trong năm nay
- (2) Bổ nhiệm trong năm nay
- (3) Miễn nhiệm trong năm trước
- (4) Bổ nhiệm trong năm trước

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập



Lê Đình Thái
Kế toán trưởng



Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2024